TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **29/2023**/HNGĐ-ST
Ngày: 16/02/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yên**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lò Thị Cải**

Ông **Lê Anh Tuấn**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Nhung**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên;

Ngày 16 tháng 02 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST- HNGĐ, ngày 02 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Quàng Thị L**; sinh năm: 1992.

NĐKHKTT: Bản H, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Chỗ ở hiện nay: Bản C, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Lò Văn Ơ**; sinh năm: 1992.

NĐKHKTT: Bản H, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Hiện đang chấp hành án tại: Đội 24, phân trại số 2, Trại giam H – Địa chỉ: xã H, huyện T, tỉnh Y. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/12/2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Quàng Thị Lả trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị và anh Lò Văn Ơ có đi đăng ký hôn nhân tại UBND xã M vào ngày 06/4/2011. Kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Đến tháng 02 năm 2017 thì anh Ơ bị Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xử phạt 20 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy, hiện anh Ơ đang đi chấp hành án tại trại giam H từ đó cho đến nay. Anh chị đã sống ly

thân được 06 năm nên chị L không thể chờ đợi anh Ơ được nữa. Chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn Ơ.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Lò Thị Hồng D sinh ngày 27/11/2010 và cháu Lò Duyên T sinh ngày 19/02/2016. Chị L xin được nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu. Việc cấp dưỡng nuôi con chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản:

Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt do bận công việc.

Tại bản tự khai đề ngày 19/12/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án anh Lò Văn Ơ trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Quàng Thị L có đăng ký kết hôn ở bản H, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên vào năm 2011. Trước khi kết hôn anh và chị L đã tìm hiểu và có tình cảm với nhau nên việc kết hôn là tự nguyện không bị ép buộc. Chúng tôi chung sống hạnh phúc và không có mâu thuẫn gì. Nay anh đang đi chấp hành án tại đội 24, phân trại số 2, Trại giam H do vậy anh chấp nhận ly hôn chị Quàng Thị L.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là Lò Thị Hồng D sinh ngày 27/11/2010 và Lò Duyên T sinh ngày 19/01/2016. Hiện anh đang đi chấp hành án nên đồng ý để chị L trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản:

Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Ơ có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc và phiên tòa xét xử vụ án do phải đi chấp hành án không về được.

Tại bản tự khai của cháu Lò Thị Hồng D xin được ở với mẹ.

Tại đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân có xác nhận của trưởng bản H, xã M và UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên ngày 13/12/2022 có nội dung: Chị Quàng Thị L và anh Lò Văn Ơ có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Đ vào ngày 06/04/2011. Anh chị kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc cho đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Tháng 02/2017 anh Ơ bị Công an bắt và sau đó bị Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xử phạt 20 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Anh chị sống ly thân từ tháng 02/2017 cho đến nay. Hiện anh Ơ đang đi chấp hành án tại Trại giam H ở tỉnh Yên Bái. Anh chị có hai con chung là Lò Thị Hồng D sinh

ngày 27/11/2010 và Lò Duyên T sinh ngày 19/02/2016. Hiện các cháu đang ở với mẹ ở bản C, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 09/12/2022 chị L nộp đơn khởi kiện về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đối với anh Lò Văn Ơ có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản H, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Hiện anh Ơ đang đi chấp hành án tại: Đội 24, phân trại số 02, Trại giam H (Địa chỉ: xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái). Chị L có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình. Chị L là người dân tộc thiểu số cư trú tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên đã nộp đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí. Sau khi xem xét đơn khởi kiện Tòa án đã thụ lý vụ án vào ngày 09/12/2022 để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị L theo Điều 195 BLTTDS.

Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu Ly hôn giữa chị Quàng Thị L và anh Lò Văn Ơ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Chị Quàng Thị L và anh Lò Văn Ơ đều có đơn đề nghị Tòa án xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228/BLTTDS xét xử vắng mặt chị L, anh Ơ.

[2] Về nội dung.

[2.1] Xét về hôn nhân: Chị Quàng Thị L và anh Lò Văn Ơ kết hôn trên cơ sở tự nguyện không ai bị mất năng lực hành vi dân sự, không bị ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mường P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên vào ngày 06/4/2011, các bên đã đủ điều kiện kết hôn. Do vậy, hôn nhân giữa chị L và anh Ơ là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Thêm vào đó do anh Ơ vi phạm pháp luật vào năm 2017 nên phải đi chấp hành án với mức hình phạt 20 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Các nội dung trên các bên đã thừa nhận và trại giam H đã xác nhận. Như vậy có đủ cơ sở khẳng định cuộc sống vợ chồng của chị L và anh Ơ không còn hạnh phúc, có mâu thuẫn là đúng. Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân giữa chị L và anh Ơ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được, chị L xin ly hôn anh Ơ cũng nhất trí ly hôn. Tuy nhiên, anh Ơ đang đi chấp hành án không thể về giải quyết được. Do đó, để giải phóng cho chị L thoát khỏi tình trạng hiện tại khi mà cuộc sống hôn nhân không đem lại hạnh phúc cho chị, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị L, giải quyết cho ly hôn giữa chị L và anh Ơ.

[2.2] Xét về con chung: Chị L và anh Ơ đều khai và công nhận vợ chồng có hai con chung Lò Thị Hồng D sinh ngày 27/11/2010 và Lò Duyên T sinh ngày 19/02/2016. Hiện các cháu đang ở với chị L ở bản C, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Chị L và anh Ơ đều có ý kiến để con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chung anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy nguyện vọng của chị L và anh Ơ là tự nguyện, đúng quy định của pháp luật, hiện tại anh Ơ cũng đang đi chấp hành án nên không có đủ điều kiện chăm sóc các con chung. Hội đồng xét xử Căn cứ Điều 69 và Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận nguyện vọng của chị L và anh Ơ. HĐXX giao con chung cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Anh Ơ có quyền đi lại thăm con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L và anh Ơ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Xét về quan hệ tài sản: Về tài sản riêng; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Chị L và anh Ơ khai không có; Tài sản chung: Chị L và anh Ơ không yêu cầu Tòa án giải quyết. HĐXX không xem xét.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Quàng Thị L là dân tộc thiểu số sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn toàn bộ án phí DSST.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 69; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Quàng Thị L và anh Lò Văn Ơ.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lò Thị Hồng D sinh ngày 27/11/2010 và cháu Lò Duyên T sinh ngày 19/02/2016 cho chị Quàng Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên hoặc khi có thay đổi khác.

Cấp dưỡng nuôi con: Chị L và anh Ơ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản:

Tài sản riêng; Nợ phải trả; Nợ lấy về; Diện tích ruộng nương: Không có;

Tài sản chung: Chị L và anh Ơ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Quàng Thị L được miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *VKSND HĐB;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Mường Pồn, HĐB, tỉnh ĐB;*
- *Chi cục THADS HĐB;*
- *Lưu VP;*
- *Tòa án tỉnh ĐB;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Yên